TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HSST
Ngày: 20 – 01 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Trương Xuân Mâu;

+ Ông : Nguyễn Xuân Thí;

+ Ông: Nguyễn Văn Sáu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Thuỷ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong các ngày 14 và 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày 15 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 612 /2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2019 đối với :

- ***Bị cáo:*** **Mai Thùy L** – sinh ngày 15 tháng 9 năm 1967, tại huyện N, tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Số 39 - 40F, Cư xá B, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc : Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn T (đã chết) và bà Phan Thị T (đã chết); có chồng tên Trần Hoàng L, có 04 con, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không. Theo hồ sơ vụ án, ngoài thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, bị cáo còn thực hiện hành vi phạm tội ở tỉnh Hà Tĩnh và bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử về tại danh "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo bị bắt tạm tạm giam trong một vụ án khác, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh, theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trương Văn Bá – Luật sư Văn phòng Luật sư Công Bằng, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại:

1. Ông Hồ A – Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn T, địa chỉ: Thôn Q, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Ông: Nguyễn Tiến Đ – Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng và Thương mại K, địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt ngày 14/01/2020, sau đó có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/01/2020.

3. Ông Võ Trí T - giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn TB. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt ngày 14/01/2020, vắng mặt ngày 20/01/2020.

4. Ông Nguyễn Văn H – Giám đốc Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng H, địa chỉ: Tổ dân phố 8, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Đại T - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng tổng hợp G, địa chỉ: Số 67, đường P, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh: Trần Hoàng T, sinh năm 1991, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2. Anh: Nguyễn Xuân T, sinh năm 1964, địa chỉ: Số nhà 71, đường H, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

3. Bà: Tính Thị Mai T, sinh năm 1963, địa chỉ: 1025/51G, đường C, phường 7, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Ông Lê Hữu L, sinh năm 1981, địa chỉ: số nhà 07, ngách 5/78, đường L, phường V, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1980, địa chỉ: Số 101/3 ấp T, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

6. Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1964, địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

7. Ông: Nguyễn Tấn Trường S, sinh năm 1972, địa chỉ: 7/4F, Ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1940, địa chỉ: 1025/51G, đường C, phường 7, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Số nhà 1222, tổ 1, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Trọng V, địa chỉ: Xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

- *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Minh A, sinh năm 1967, địa chỉ: Số nhà 40/17 đường B, phường 17, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Tiến Đ:* Luật sư Lê Minh Tâm, Văn phòng Luật sư Hướng Dương – Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: số 72 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Nguyễn Văn H và Nguyễn Đại T:* Luật sư Giã Văn Phương – Văn phòng Luật sư Công Bằng – Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ: số 20 đường Thái Phiên, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa năm 2016, Mai Thùy L– là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xây dựng thương mại L, có địa chỉ trụ sở tại 39 –40F, Cư xá B, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, làm từ thiện tại các tỉnh Miền trung; tại Quảng Bình, Linh gặp ông Hồ A – là Giám đốc Công ty TNHH thương mại T, Mai Thùy Linh giới thiệu là trưởng đoàn từ thiện Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty L chuyên làm từ thiện cho người nghèo bị thiên tai, bão lụt cũng như các công trình an sinh, xã hội như: Trường học, trụ sở Ủy ban nhân dân … bằng hình thức chìa khóa trao tay. Do tin tưởng nên ông Hồ A đã xin đầu tư cho tỉnh Quảng Bình. Mai Thùy L yêu cầu ông A vào Thành phố Hồ Chí Minh để gặp và trao đổi.

Sau khi ông A và ông Nguyễn Tiến Đ (Giám đốc công ty K vào gặp, L đồng ý đầu tư cho tỉnh Quảng Bình gồm 02 công trình: Trường mầm non xã P và trụ sở Ủy ban nhân dân xã P theo như đề xuất của ông A, đồng thời giao cho ông A làm tổng thầu và thay mặt công ty L giải quyết một số vấn đề trong việc đầu tư xây dựng công trình tại Quảng Bình.

Thông qua ông Hồ A, Mai Thùy L biết và hứa hẹn đầu tư xây dựng thêm 06 công trình trên địa bàn tỉnh Quảng Bình cho các Công ty thầu xây dựng gồm: Công ty K do ông Nguyễn Tiến Đ làm giám đốc; Công ty H do ông Nguyễn Văn H làm giám đốc; Công ty G do ông Nguyễn Đại T làm giám đốc; Công ty TB do ông Võ Trí T làm giám đốc, Công ty N trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Các công ty này ký liên danh với công ty T do ông Hồ A làm giám đốc để xây dựng công trình:

Cụ thể, Mai Thùy L đã hứa hẹn đầu tư như sau:

Công trình trường Mầm non P: kinh phí 12.000.000.000 đồng; trụ sở UBND xã P 15.000.000.000 đồng, liên danh thi công xây dựng là Công ty T và công ty K.

Công trình trường Mầm non X, kinh phí 10.711.000.000 đồng; công trình trường THCS H, kinh phí 6.637.874.000 đồng; Công trình trường Tiểu học H, kinh phí: 6.227.962.000 đồng do Công ty K, Công ty T, Công ty H ký hợp đồng liên danh để xây dựng.

Công trình trường tiểu học số 1 B, kinh phí 12.295.000.000 đồng; do liên danh công ty T, Công ty K và Công ty G thi công xây dựng;

Công trình trường THCS D, kinh phí: 6.496.502.000 đồng; Công trình trường Mầm non D, kinh phí 5.000.000.000 đồng Do Công ty TB ký hợp đồng liên danh với Công ty T

Ngoài ra, Công ty TNHH xây dựng N ký hợp đồng liên danh với công ty T để thi công các công trình.

Tổng cộng, Mai Thùy L đã hứa đầu tư xây dựng cho tỉnh Quảng Bình 08 công trình với tổng mức đầu tư là 74.368.338.000 đồng (*Bảy mươi bốn tỷ ba trăm sáu mươi tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn đồng*). Các công ty này ký hợp đồng liên danh với công ty T của ông Hồ A để thực hiện.

Để tạo niềm tin cho ông Hồ A cũng như các bị hại, Mai Thùy L đã cho ông Hồ A và một số bị hại xem một số giấy khen, giấy chứng nhận của các tỉnh đã cấp; mời ông Hồ A tham dự lễ khởi công công trình do Mai Thùy L đầu tư tại tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An; đồng thời Mai Thùy L đã đưa ra thông tin về Tổ chức "Ủy ban quyên góp tài chính quốc tế Mỹ - Việt Nam - Vatican # C50K" có nguồn vốn để đầu tư cho xây dựng các công trình an sinh xã hội và Mai Thùy L là thành viên của tổ chức này.

Sau khi hoàn tất các thủ tục hồ sơ pháp lý về đầu tư và chuẩn bị thi công công trình, Mai Thùy L yêu cầu ông Hồ A nộp tiền trách nhiệm đối với mỗi công trình là 1.000.000.000 đồng (tiền bảo lãnh công trình). Ông A đã thông báo đến các công ty liên danh để thực hiện, theo yêu cầu của Mai Thùy L, các bị hại đã nộp cho Mai Thùy L số tiền 5.500.000.000 đồng, cụ thể: ông Hồ A (giám đốc Công ty T) nộp 1.000.000.000 đồng; ông Võ Trí T (giám đốc Công ty TB) nộp 200.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H (giám đốc Công ty H) nộp 1.000.000.000 đồng; ông Nguyễn Tiến Đ (giám đốc Công ty K) nộp 3.000.000.000 đồng; ông Nguyễn Đại T (giám đốc Công ty G) 300.000.000 đồng. Trong đó 3.800.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản của Mai Thùy L và 1.700.000.000 đồng nhận tiền mặt.

- *Hành vi chiếm đoạt 1.000.000.000 đồng của ông Hồ A*: Sau khi có thông tin về việc Mai Thùy L sẽ đầu tư tại tỉnh Quảng Bình và giao cho mình làm tổng thầu, khoảng tháng 10/2016, Mai Thùy L yêu cầu ông A nộp mỗi công trình 1.000.000.000 đồng tiền trách nhiệm, ông A nhận 02 công trình nên phải nộp 2.000.000.000 đồng, ông A đã nộp cho Mai Thùy L 1.000.000.000 đồng theo yêu cầu của Mai Thùy L, đến ngày 02/12/2016 Mai Thùy L viết phiếu thu cho ông A. Hiện Mai Thùy L đã trả cho ông A 54.000.000 đồng, còn nợ lại 946.000.000 đồng chưa trả.

Nay ông A yêu cầu Mai Thùy L phải có trách nhiệm trả lại số tiền 946.000.000 đồng đã chiếm đoạt.

- *Hành vi chiếm đoạt số tiền 3.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Tiến Đ*:

Do mối quan hệ quen biết với ông Hồ A, ông Đ biết đến bà Mai Thùy L. Ông Đ cùng ông A vào tại Công ty của Mai Thùy L tại Thành phố Hồ Chí Minh để trao đổi, được Mai Thùy L hứa hẹn cho xây dựng 02 công trình tại xã P với tổng mức đầu tư 25.476.000.000 đồng. Sau khi hoàn tất hồ sơ xây dựng 02 công trình, đến ngày 28/ 11/2016, ông Đ vào Thành phố Hồ Chí Minh rút tiền mặt trong tài khoản của mình và cùng ông Hồ A đến nộp cho Mai Thùy L số tiền 1.000.000.000 đồng, sau đó vào ngày 02/12/2016 và 05/12/2016 ông Đ tiếp tục rút tiền từ tài khoản cá nhân đóng 2.000.000.000 đồng cho Mai Thùy Linh để được nhận công trình thi công. Do không có giấy tờ gì nên ông Đ cùng ông A vào gặp Mai Thùy L yêu cầu viết giấy nhận tiền mặt và giấy chứng nhận góp vốn liên danh. Nhưng đến nay không nhận được số tiền đầu tư như Mai Thùy L đã hứa hẹn.

Quá trình bị Mai Thùy L lừa đảo chiếm đoạt tiền, ông Đ đã bỏ tiền ra thi công một số hạng mục của 02 công trình là Trường Mầm non xã P và trụ sở UBND xã P với tổng số tiền 2.100.993.000 đồng.

Ngày 29/5/2017 ông Đ nhận số tiền 240.000.000 đồng do Mai Thùy L trả lại thông qua ông Hồ A. Ông Nguyễn Tiến Đ yêu cầu Mai Thùy L phải trả lại cho ông số tiền 2.760.000.000 đồng đã chiếm đoạt. Đối với số tiền 2.100.993.000 đồng đã đầu tư ở 02 công trình tại xã P, ông không yêu cầu giải quyết vì hiện nay đã được cơ quan có thẩm quyền cho tiếp tục thi công.

Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H – giám đốc công ty TNHH XDTH H.

Qua giới thiệu của ông Hồ A, ông Nguyễn Văn H trực tiếp gặp ông A để xin trường học tại xã X và 02 công trình trường học ở xã H do Mai Thùy L hứa hẹn đầu tư với tổng số 23.576.836.000 đồng. Ngày 05/12/2016 ông H đã đưa cho ông A 1.000.000.000 đồng, ông Hồ A đã giao cho Mai Thùy L nhằm nhận công trình để công ty ông H thi công liên danh cùng ông A và ông Nguyễn Tiến Đ.

Quá trình chuẩn bị thi công ông H đã chi phí thẩm tra thiết kế công trình: 31.922.000 đồng, thẩm tra phòng cháy chữa cháy: 16.000.000 đồng; đánh giá tác động môi trường: 45.000.000 đồng, tổng cộng 92.922.000 đồng

Ông H đã nhận lại số tiền 631.000.000 đồng do ông Hồ A trả nên nay yêu cầu Mai Thùy L phải có trách nhiệm trả lại cho ông 369.000.000 đồng đã chiếm đoạt cùng với 92.922.000 đồng mà ông đã bỏ ra để nhằm mục đích nhận công trình xây dựng.

Hành vi chiếm đoạt số tiền 200.000.000 đồng của ông Võ Trí T – giám đốc công ty TB:

Vào khoảng đầu tháng 6/2019, ông Võ Trí T quen biết ông Hồ A, ông A có giới thiệu tiếp cận được nguồn vốn tài trợ nhân đạo từ thiện phi chính phủ nên qua ông A, ông T xin thi công công trình trường Mầm non D, trường THCS D với hình thức chìa khóa trao tay, vốn đầu tư 11.496.502.000 đồng. Ngày 23/11/2017 ông T đại diện cho công ty TB ký hợp đồng liên danh với Công ty T do ông A làm giám đốc, ông T đã giao cho ông A 200.000.000 đồng để ông A giao cho bị cáo L nhằm nhận công trình, đến nay ông T đã nhận lại 100.000.000 đồng và yêu cầu Mai Thùy L có trách nhiệm trả lại cho ông 100.000.000 đồng đã chiếm đoạt..

Hành vi chiếm đoạt 300.000.000 đồng của ông Nguyễn Đại T – giám đốc công ty G:

Tháng 12/2016 ông Hồ A hứa xin Mai Thùy L cho ông Nguyễn Đại T thi công công trình trường tiểu học số 1 B, ông T ký hợp đồng liên danh với Công ty T (do ông A làm giám đốc) để nhận thầu công trình. Ngày 04/12/2016, ông T nộp cho ông A 300.000.000 đồng tiền bão lãnh công trình và yêu cầu ông A viết giấy nhận tiền. Đồng thời liên kết với công ty K, công ty T để làm lễ động thổ khởi công, sau một thời gian không thấy vốn đầu tư thi công công trình, ông T đã thông qua ông A yêu cầu Mai Thùy L trả lại tiền bão lãnh công trình đã nộp cho ông A. Hiện ông đã nhận lại 175.000.000 đồng, ông yêu cầu Mai Thùy L phải có trách nhiệm trả cho ông 125.000.000 đồng.

Như vậy, Mai Thùy L sau khi nhận 5.500.000.000 đồng, không chuyển kinh phí đầu tư cho bất kỳ công trình nào như đã hứa, mà chỉ trả lại cho các bị hại số tiền 1.200.000.000 đồng (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*) qua ông Hồ A, để ông A trả lại cho các bị hại, cụ thể:

Trả lại cho ông Hồ A, Công ty T số tiền: 54.000.000 đồng;

Trả lại cho ông Võ Trí T, Công ty TB số tiền: 100.000.000 đồng;

Trả lại cho ông Nguyễn Văn H, Công ty H số tiền: 631.000.000 đồng;

Trả lại cho ông Nguyễn Tiến Đ, Công ty K số tiền 240.000.000 đồng;

Trả lại cho ông Nguyễn Đại T, công ty G số tiền 175.000.000 đồng.

Số tiền còn lại là 4.300.000.000 đồng Mai Thùy L chiếm đoạt hiện nay chưa trả.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình đã tiến hành trưng cầu giám định các tài liệu: Công văn của Công ty T về việc thanh toán công trình; Giấy cam kết trả tiền, giấy cam kết, tài liệu có chữ viết có người viết giấy Mai Thùy L; Tại Bản kết luận giám định số 447/PC09 (GĐ) ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: Chữ ký đứng tên Mai Thùy L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 so với chữ ký đứng tên Mai Thùy L trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra và chữ viết trên các tài liệu giám định ký hiệu A2, A3, A4 so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, Mai Thùy L không có khả năng, nguồn lực về tài chính để tài trợ xây dựng các công trình hoặc xin vốn để đầu tư các công trình an sinh xã hội; Cơ quan chức năng cũng khẳng định, tổ chức mà bị cáo Mai Thùy L đưa ra với tên: "Ủy ban quyên góp tài chính quốc tế Mỹ - Việt Nam - Vatican # C50K" chưa được cấp giấy phép hoạt động tại Việt Nam.

Tại Bản cáo trạng số 163/VKS-P3 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố bị cáo Mai Thùy L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo Mai Thùy L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt 5.500.000.000 đồng từ các bị hại, hiện đã trả lại 1.200.000.000 đồng, còn lại 4.300.000.000 đồng, bị cáo đồng ý trả theo yêu cầu của các bị hại.

Đồng thời bị cáo đồng ý bồi thường tất cả các khoản thiệt hại do hậu quả của hành vi lừa đảo của bị cáo gây ra, trong đó bồi thường cho ông Nguyễn Văn H: 92.922.000.000 đồng chi phí lập hồ sơ dự án, 70.743.891 đồng lãi tiền vay của số tiền mà ông H đã nộp cho bị cáo và 55.000.000 đồng chi phí, bồi thường cho ông Nguyễn Đại T 20.000.000 đồng chi phí lập hồ sơ dự án, chi phí động thổ, khởi công: 20.000.000 đồng, 50.000.000 đồng lãi tiền vay mà ông T đã nộp và 45.000.000 đồng chi phí khác.

Đối với các khoản yêu cầu về tiền xây nhà thờ của dòng họ bị cáo: số tiền 75.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn H (do Nguyễn Trọng V nhận) và 5.000.000 đồng của ông Nguyễn Đại T, Bị cáo cho rằng không nhận nên không đồng ý trả. Bị cáo cho rằng không phân công hay chỉ đạo Nguyễn Trọng V đến khảo sát các công trình tại Quảng Bình và không giao cho ông V nhận tiền của các doanh nghiệp, việc các doanh nghiệp đưa tiền cho ông Vân bị cáo không biết và cũng không nhận số tiền này. Bị cáo cho rằng ông V không liên quan đến việc lừa đảo của bị cáo tại Quảng Bình mà chỉ đi cùng bị cáo để làm từ thiện nên biết các doanh nghiệp. Do đó bị cáo không đồng ý chịu trách nhiệm với số tiền này.

Các bị hại thống nhất theo lời khai của bị cáo Mai Thùy L về hành vi thực hiện lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Quá trình điều tra, các bị hại yêu cầu bị cáo Mai Thùy L trả lại số tiền đã chiếm đoạt: ông Hồ A yêu cầu bị cáo trả 946.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H yêu cầu 369.000.000 đồng và bồi thường 92.922.000 đồng tiền chi phí để thực hiện công trình. Ông Nguyễn Tiến Đ yêu cầu 2.760.000.000 đồng; ông Nguyễn Đại T yêu cầu trả 125.000.000 đồng; ông Võ Trí T yêu cầu trả 100.000.000 đồng; tại phiên tòa, trong phần tranh luận các bị hại ông H, ông T, ông T yêu cầu ông Hồ A có trách nhiệm hoàn trả cho các bị hại vì cho rằng ông A nhận tiền nên phải chịu trách nhiệm.

Ngoài ra, bị hại ông Nguyễn Văn H trình bày: Ông Nguyễn Trọng V, cư trú tại xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh có nhận của ông Nguyễn Đại T và ông Nguyễn Văn H số tiền 75.000.000 đồng và xuất trình 01 giấy nhận tiền lập ngày 13/11/2016 có nội dung nhận của ông T 50.000.000 đồng. Ông H trình bày đây là số tiền của ông, được ông giao lại cho ông T để giao cho Nguyễn Trọng V theo yêu cầu của ông V. Các bị hại trình bày bị cáo L không điện thoại hay có ý kiến, văn bản gì về việc yêu cầu các doanh nghiệp đưa tiền cho Nguyễn Trọng V. Ông H và ông T đều thừa nhận ông V không đi cùng với bà L mà chỉ đi cùng với ông Hồ A và yêu cầu giao số tiền này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt bị cáo Mai Thùy L từ 15 đến 16 năm tù; buộc bị cáo phải trả lại 4.300.000.000 đồng tiền chiếm

đoạt và bồi thường cho các bị hại theo yêu cầu, buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Trọng V, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tài liệu cho Viện kiểm sát xem xét để chuyển Cơ quan điều tra giải quyết, trường hợp đủ yếu tố cấu thành tội phạm thì khởi tố vụ án vì hành vi của V độc lập, không liên quan trong vụ án này.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai Thùy L không tranh luận tội danh, khung hình phạt theo điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đã truy tố và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục làm giảm bớt thiệt hại gây ra; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bố là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo được tặng thưởng nhiều Giấy khen, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, s, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo mức án nhẹ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Tiến Đ trình bày: Thống nhất theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên, cho rằng ông Nguyễn Tiến Đ có giao cho bị cáo 01 bộ bàn ghế gỗ trị giá 91.800.000 đồng và yêu cầu lấy lại bộ bàn ghế này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Đại T trình bày: Thống nhất theo Cáo trạng đã truy tố, đề nghị xem xét bị cáo dùng hoạt động từ thiện để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo chưa thành khẩn trong việc sử dụng tiền chiếm đoạt được vào mục đích từ thiện như thế nào. Đối với Nguyễn Văn T, đề nghị xem lại vai trò của T khi ký kết các công trình. Luật sư thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung Nguyễn Trọng V hiện không có mặt tại địa phương nên kiến nghị xem xét trong vụ án khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Bình, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và của Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Mai Thùy L khai nhận: Bị cáo có tham gia vào hoạt động từ thiện, giúp đồng bào bị thiên tai lũ lụt tại Quảng Bình; trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến đầu năm 2017, sau khi làm quen với ông Hồ A – giám đốc công ty T, bị cáo đã đưa ra thông tin chuyên làm từ thiện cho người nghèo bị thiên tai, bão lũ và xây dựng các công trình an sinh xã hội như trường học, trụ sở Ủy ban nhân dân... bằng hình thức"chìa khóa trao tay". Bị cáo đã lợi dụng danh nghĩa của Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ L – do bị cáo làm chủ tịch Hội đồng quản trị để tạo uy tín cho bản thân và có tư cách pháp nhân nhằm ký kết các hợp đồng xây dụng mà bị cáo cam kết hứa hẹn tài trợ, ngoài ra bị cáo còn đưa thông tin về tổ chức: "Ủy ban quyên góp tài chính quốc tế Mỹ - Việt Nam – Vatican # C50K" – là tổ chức chưa được cấp phép hoạt động tại Việt Nam để yêu cầu các bị hại phải nộp tiền bảo lãnh hợp đồng nhận thi công các công trình xây dựng do bị cáo hứa tài trợ để chiếm đoạt tiền của họ. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của 05 người trên địa bàn tỉnh Quảng Bình là 5.500.000.000 đồng.

Đối với các ông Hồ A, Nguyễn Tiến Đ, Võ Trí T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Đại T, do tin tưởng vào lời hứa của bị cáo Mai Thùy L nên đã nộp tiền bảo lãnh công trình cho bị cáo Mai Thùy L. Quá trình điều tra, đã xác định số tiền 5.500.000.000 đồng là tiền nộp không phải của công ty mà do cá nhân bỏ ra và các có hợp đồng liên danh giữa các công ty với nhau để thực hiện thi công, nên xác định đây là các bị hại trong vụ án.

Đối chiếu lời khai nhận của bị cáo với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu thu giữ được trong quá trình điều tra cũng như Kết luận giám định và các chứng cứ khác đã hoàn toàn phù hợp và thống nhất. Như vậy hành vi đưa ra nhiều thông tin không đúng sự thực và dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt số tiền 5.500.000.000 đồng của các bị hại mà bị cáo thực hiện đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, đã đủ căn cứ để kết luận: Hành vi của bị cáo Mai Thùy L đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 , đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và lời luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa.

[3] Xét tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực sự gây nguy hại cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn mà còn gây ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội, do đó cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã trả lại 1.200.000.000 đồng cho các bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 cần xem xét cho bị cáo.

Bị cáo có bố là ông Mai Văn T, là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại

khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 mà bị cáo được hưởng. Đối với các giấy khen mà bị cáo có được do hành vi lừa đảo nên không được xem là tình tiết giảm nhẹ hình phạt.

[5] Từ những đánh giá trên, nghĩ cần thiết phải cách ly bị cáo Mai Thùy L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây mới đủ sức răn đe, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Mai Thùy L khai hiện không có thu nhập, không có tài sản gì, do vậy nghĩ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Mai Thùy L là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt 5.500.000.000 đồng, trước khi hành vi phạm tội bị phát hiện đã trả lại cho các bị hại thông qua ông Hồ A 1.200.000.000 đồng. Cụ thể đã trả cho ông Hồ A số tiền 54.000.000 đồng; trả lại cho ông Võ Trí T, số tiền 100.000.000 đồng; trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền 631.000.000 đồng; trả lại cho ông Nguyễn Tiến Đ số tiền 240.000.000 đồng; trả lại cho ông Nguyễn Đại T số tiền 175.000.000 đồng. Hiện còn 4.300.0000.000 đồng bị cáo đang chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, các bị hại ông Nguyễn Văn H, ông Võ Trí T, ông Nguyễn Đại T có yêu cầu ông Hồ A phải trả lại số tiền ông A nhận và chuyển cho bị cáo Mai Thùy L và bị Mai Thùy L chiếm đoạt, Hội đồng xét xử thấy, quá trình điều tra và xét xử, qua xem xét các tài liệu chứng cứ, tranh tụng công khai tại phiên tòa, ông Hồ A không đồng phạm với bị cáo và không giúp sức cho bị cáo nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, ông A cũng không nhận hoặc được chia số tiền từ bị cáo L đã chiếm đoạt nên không có căn cứ để buộc ông A phải trả lại cho các bị hại.

Các bị hại bị bị cáo Mai Thùy Linh chiếm đoạt 4.300.000.000 đồng, trong đó: ông Hồ A bị chiếm đoạt 946.000.000 đồng; ông Võ Trí T 100.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn H 369.000.000 đồng; ông Nguyễn Tiến Đ 2.760.000.000 đồng; ông Nguyễn Đại T 125.000.000 đồng; Bị cáo chấp nhận hoàn trả toàn bộ số tiền các bị hại yêu cầu.

Ngoài ra các bị hại ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Đại T còn yêu cầu bị cáo phải bồi thường các khoản thiệt hại do hậu quả của hành vi lừa đảo của bị cáo gây ra, gồm: Bồi thường cho ông Nguyễn Văn H: 92.922.000.000 đồng chi phí lập hồ sơ dự án, 70.743.891 đồng lãi tiền vay của số tiền mà ông H đã nộp cho bị cáo và 55.000.000 đồng chi phí đi lại và chi phí khác; bồi thường cho ông Nguyễn Đại T 20.000.000 đồng chi phí lập hồ sơ dự án, 20.000.000 đồng chi phí động thổ, khởi công; 50.000.000 đồng lãi tiền vay mà ông T đã nộp và 45.000.000 đồng chi phí khác, bị cáo đồng ý bồi thường, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại, thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận.

Do vậy, nghĩ nên buộc bị cáo có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường theo yêu cầu của các bị hại là phù hợp với các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

[7] Đối với yêu cầu về việc giải quyết bộ bàn ghế bị hại khai đã hỗ trợ cho nhà thờ dòng họ bị cáo L: Thuộc quan hệ tặng cho tài sản, không liên quan đến hành vi

lừa đảo của bị cáo trong vụ án này nên không xem xét, nếu các đương sự có yêu cầu đòi lại tài sản thì khởi kiện vụ án dân sự để được giải quyết.

[8] Liên quan trong vụ án có các đối tượng Trần Hoàng L (chồng bị cáo Mai Thùy L); Trần Hoàng T (con của bị cáo Mai Thùy L); Nguyễn Xuân T; Tính Thị Mai T; Lê Hữu L; Nguyễn Xuân B, Nguyễn Tấn Trường S, Nguyễn Văn T những người này là nhân viên của Công ty L và người quen của bị cáo Mai Thùy L, làm việc theo chỉ đạo của bị cáo L nhưng họ không biết việc chiếm đoạt tiền của bị cáo, quá trình điều tra bị cáo L đã khai nhận rằng việc lừa đảo các doanh nghiệp tại Quảng Bình chỉ một mình bị cáo thực hiện, những người trên không biết. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình không chứng minh được hành vi phạm tội nên không có cơ sở để xem xét, xử lý do đó, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với họ.

Đối với ông Nguyễn Tấn L, quá trình điều tra Mai Thùy L khai là do ông L đưa ra thông tin về Tổ chức "Ủy ban quyên góp tài chính quốc tế Mỹ - Việt Nam - Vatican # C50K", nhưng quá trình điều tra, xác minh thì ông L không biết gì về hành vi lừa đảo của bà Mai Thùy L, nên không xem xét hình sự đối với ông Nguyễn Tấn L.

Đối với Nguyễn Trọng V – được các bị hại cho rằng có nhận 75.000.000 đồng của ông Nguyễn Đại T và ông Nguyễn Văn H khi đi khảo sát công trình với các doanh nghiệp ở Quảng Bình. Hành vi của Nguyễn Trọng V không liên quan đến việc bị cáo Mai Thùy L lừa đảo để chiếm đoạt số tiền 5.500.000.000 đồng của các doanh nghiệp. Bị cáo L không thừa nhận có giao cho Nguyễn Trọng V đi khảo sát và cũng không thừa nhận chỉ đạo V lấy tiền của các doanh nghiệp, các bị hại đều khẳng định không nhận được yêu cầu của bị cáo L về việc đưa tiền cho Nguyễn Trọng V, khi nhận tiền của các doanh nghiệp Nguyễn Trọng V không đi cùng với bị cáo L. Do đó, kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Bình làm rõ hành vi của Nguyễn Trọng V trong vụ án khác, nếu có cơ sở thì xử lý theo quy định của pháp luật hoặc tách thành vụ án dân sự khi có yêu cầu khởi kiện.

[9] Bị cáo Mai Thùy L đã bị xét xử về tội danh: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại tỉnh Hà Tĩnh nhưng hiện nay chưa nhận được bản án nên hình phạt sẽ được tổng hợp sau theo quy định của pháp luật khi bản án này có hiệu lực pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo Mai Thùy L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố: Bị cáo Mai Thùy L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt bị cáo Mai Thùy L 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Mai Thùy L.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015,

2.1 Buộc bị cáo Mai Thùy L có trách nhiệm trả lại 4.300.000.000 đồng (Bốn tỷ ba trăm triệu đồng) cho cho các bị hại. Cụ thể như sau:

- Trả cho ông Hồ A số tiền: 946.000.000 đồng; (chín trăm bốn mươi sáu triệu đồng);

- Trả cho ông Võ Trí T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

- Trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 369.000.000 đồng (Ba trăm sáu mươi chín triệu đồng);

- Trả cho ông Nguyễn Tiến Đ số tiền 2.760.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng);

- Trả cho ông Nguyễn Đại T số tiền 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2.2 Buộc bị cáo Mai Thùy L có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại cho các bị hại, gồm:

- Bồi thường cho ông Nguyễn Văn H số tiền 92.922.000.000 đồng (Chín mươi hai triệu chín trăm hai mươi hai ngàn đồng) chi phí lập hồ sơ dự án, 70.743.891 đồng (Bảy mươi triệu bảy trăm bốn mươi ba ngàn tắm trăm chín mươi mốt đồng) lãi tiền vay cho bị cáo và 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng) chi phí khác.

- Bồi thường cho ông Nguyễn Đại T số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) chi phí lập hồ sơ dự án, 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) chi phí động thổ, khởi công, 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) lãi tiền vay và 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) chi phí khác.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Mai Thùy L phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng)

án phí hình sự sơ thẩm và 112.623.000 đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, các bị hại, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT CA tỉnh Quảng Bình;
- Phòng HSNVCS CA tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Vụ GĐKT 1 TANDTC
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức Long